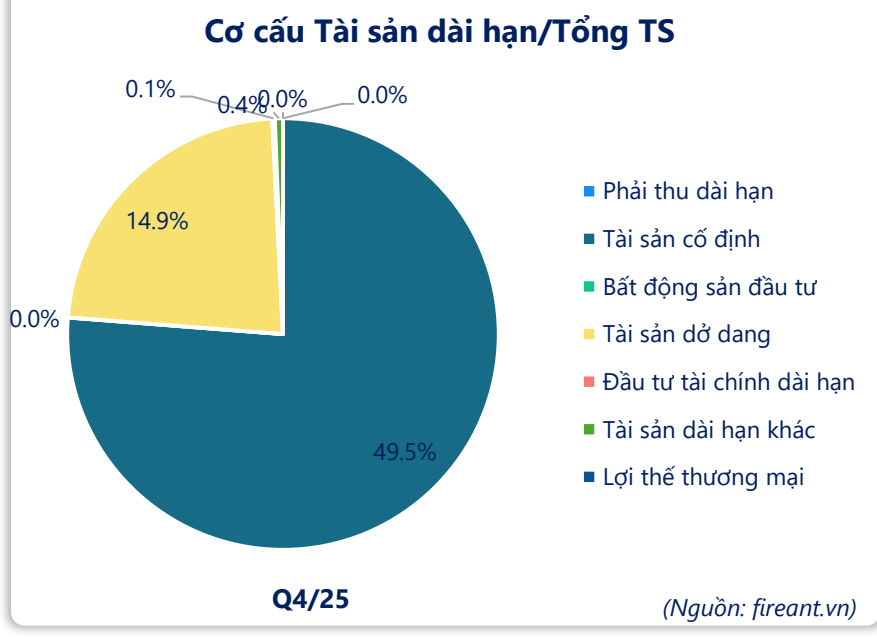
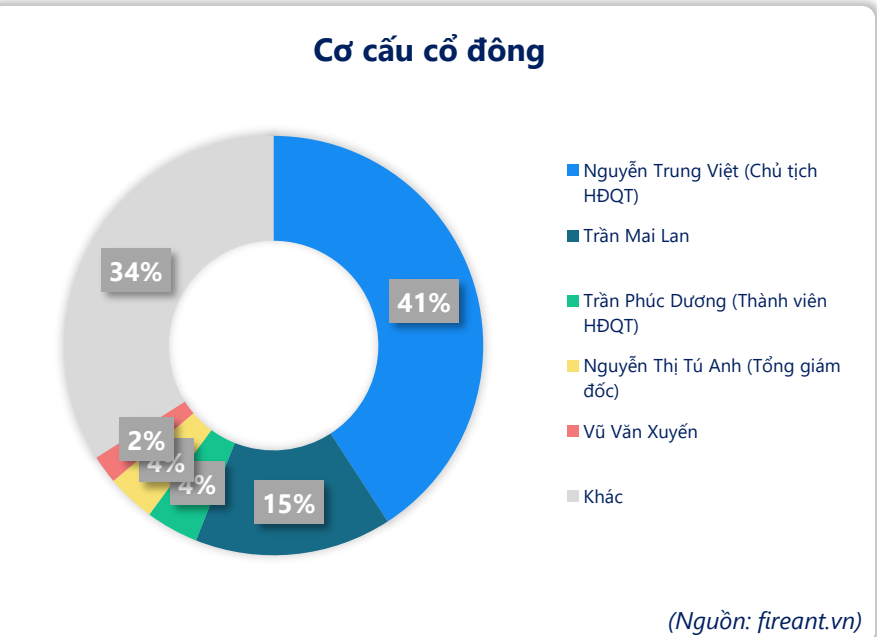
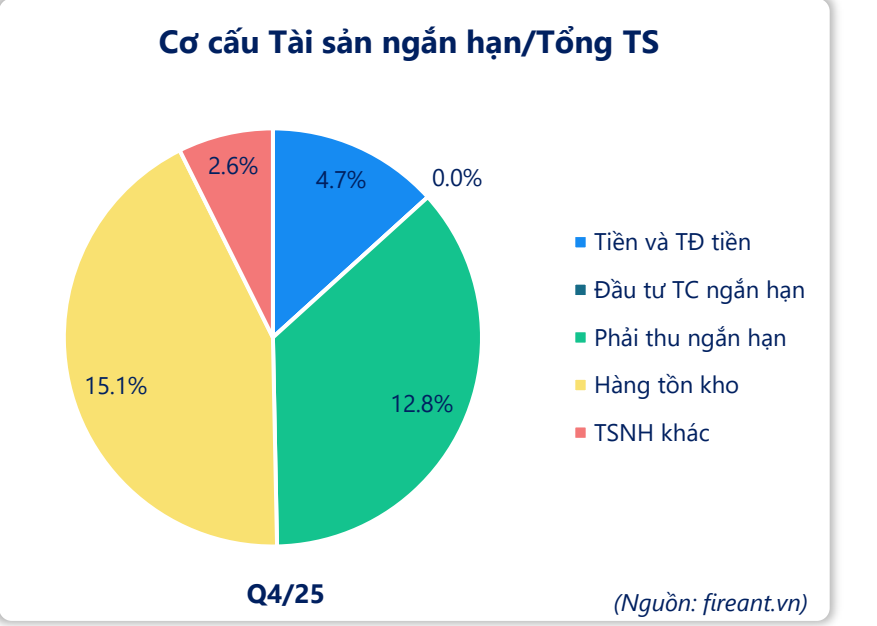
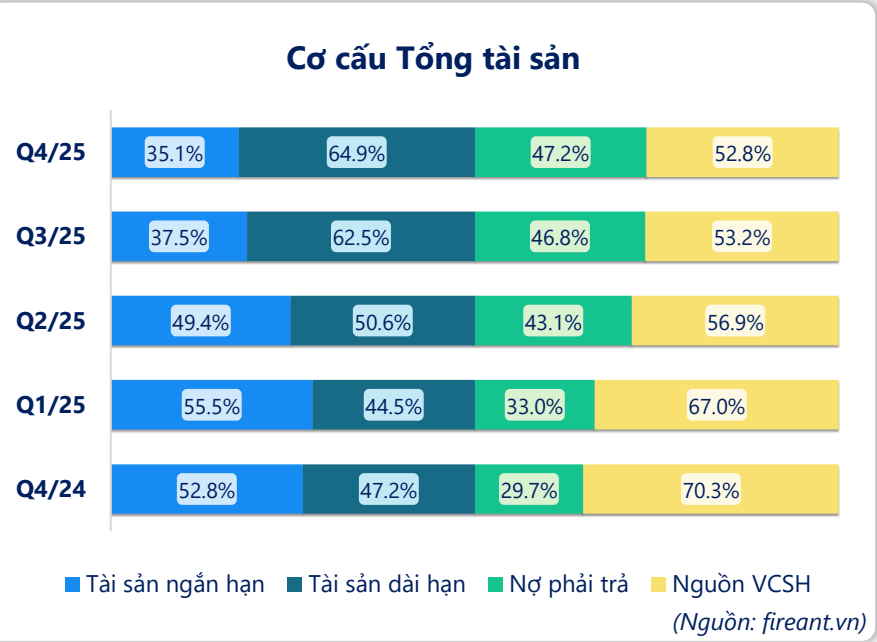
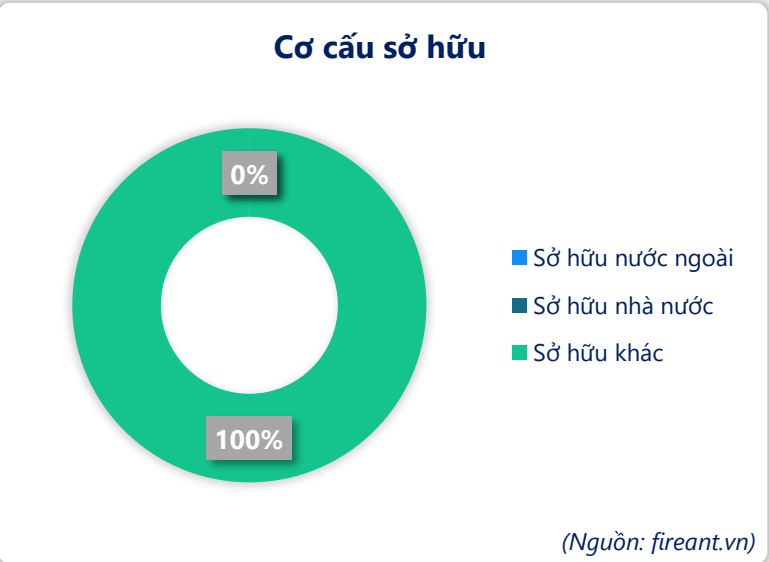
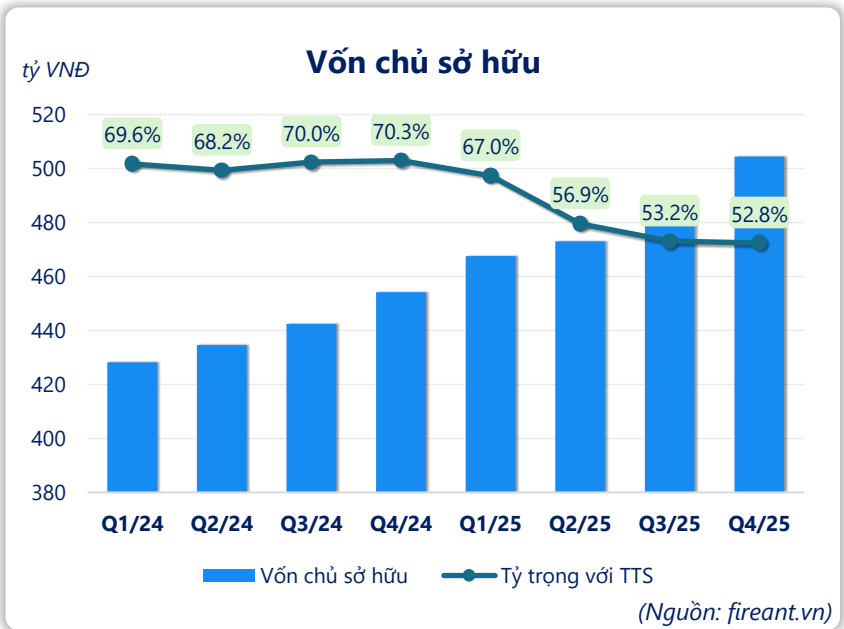
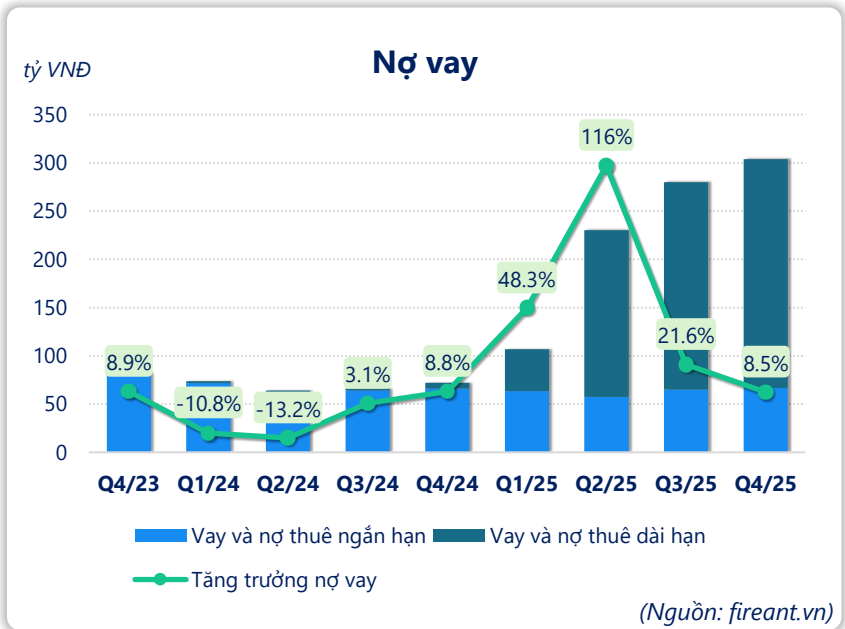
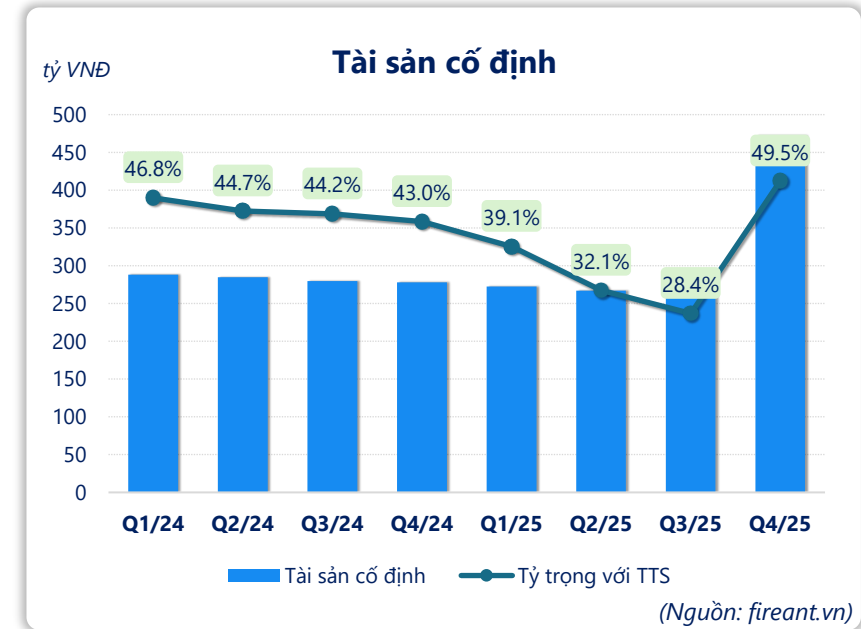
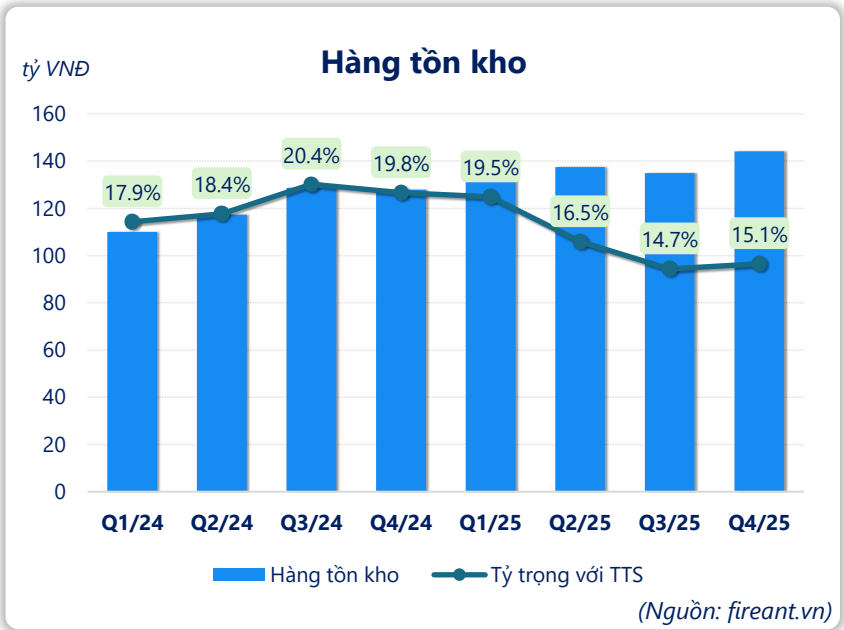
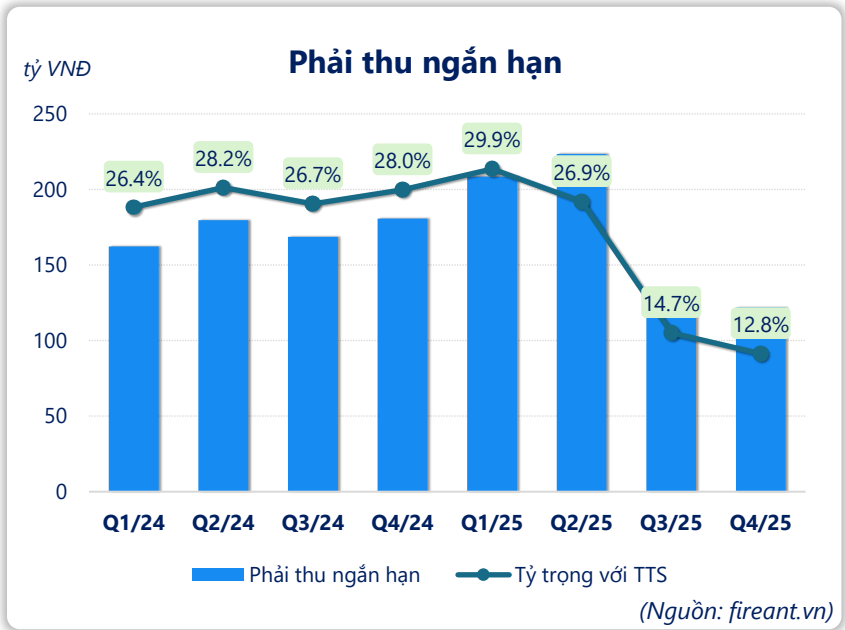
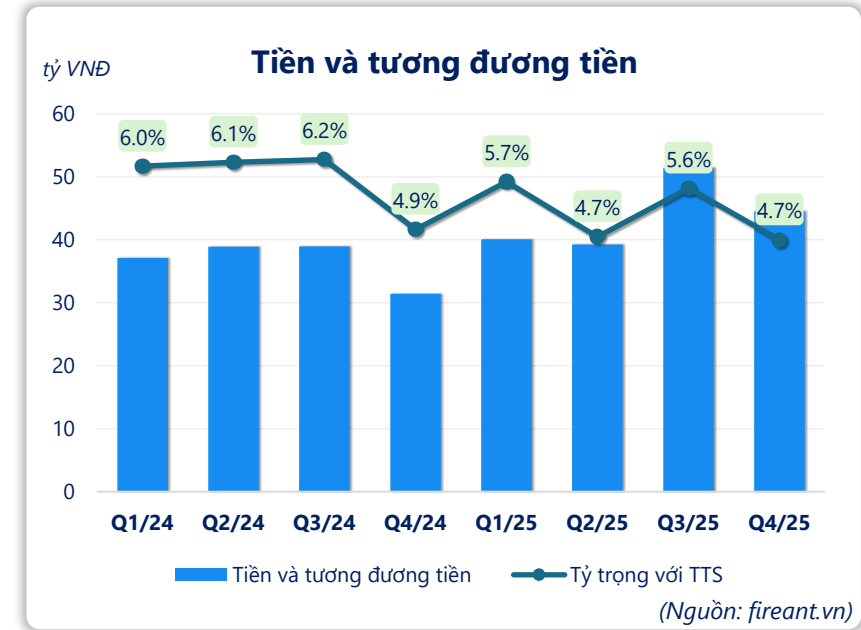
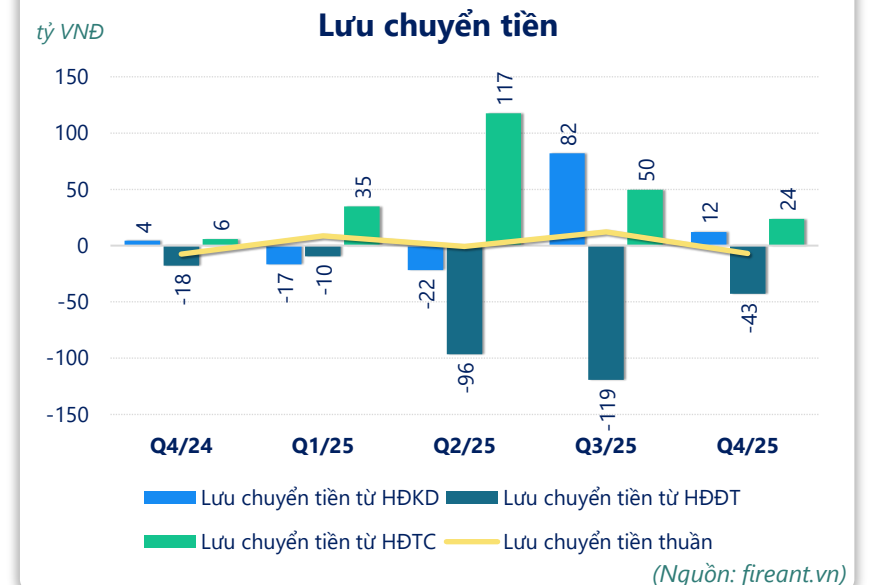
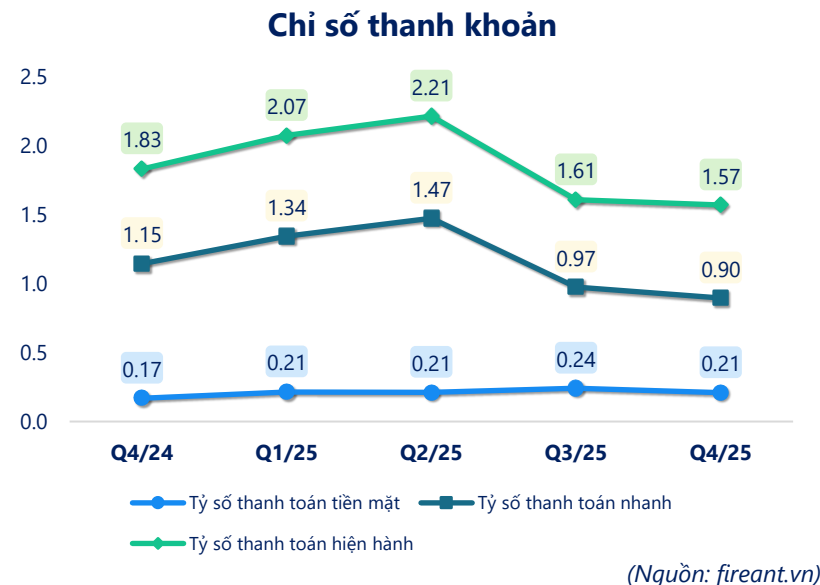
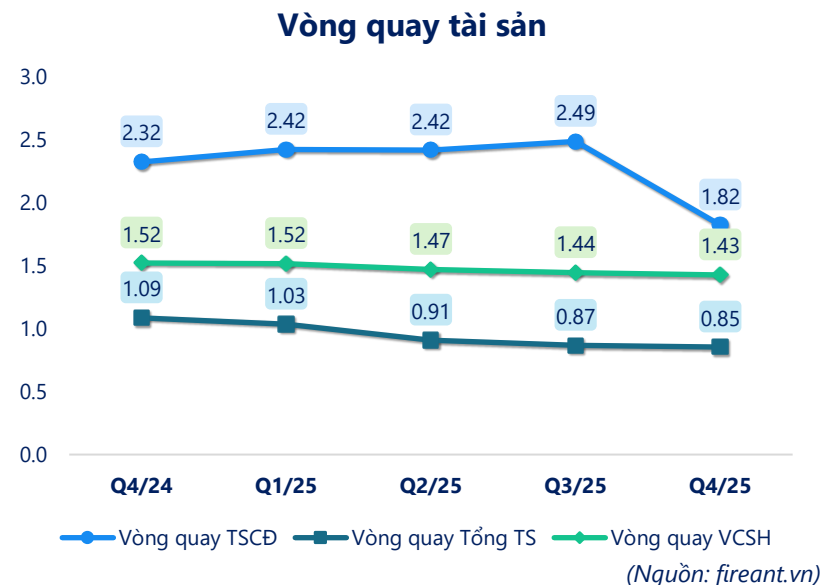
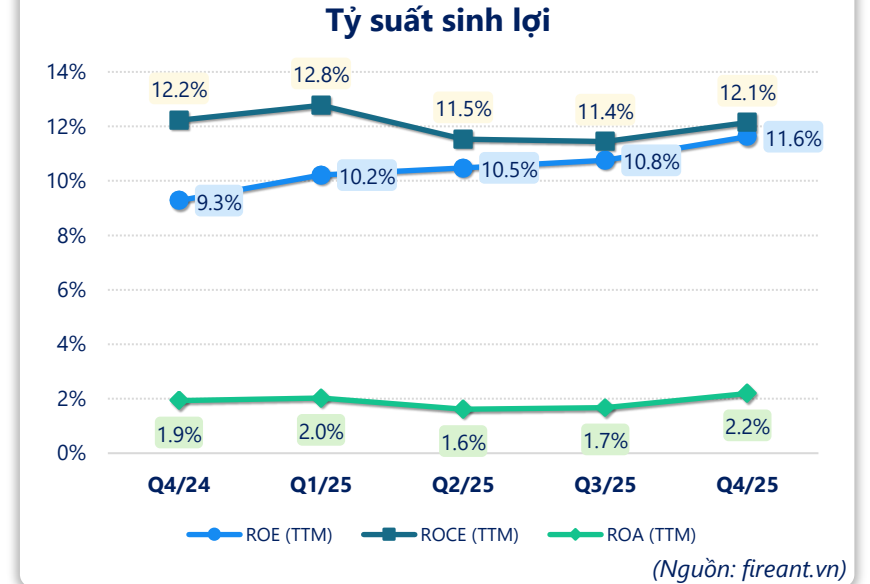
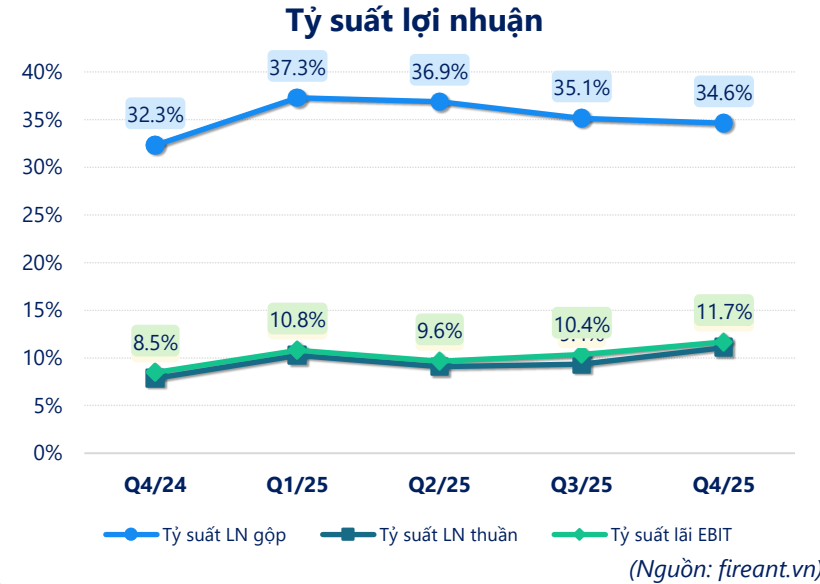
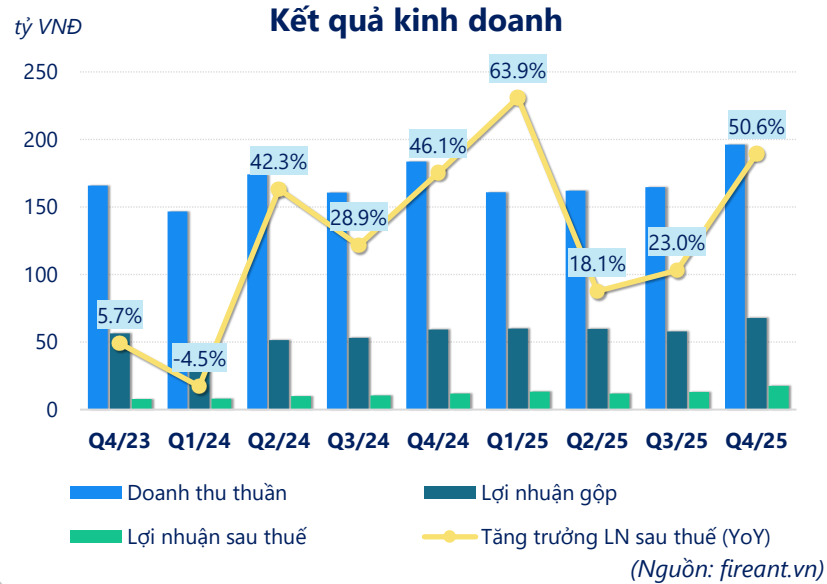


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		35,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		35,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		21,118
SL cổ phiếu LH		35,995,929
KLGD BQ 20 phiên (CP)		7,915
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,260
P/E		22.6
EPS		1,548

	YTD	1T	3T	6T
DHD	65.7%	6.1%	0.0%	16.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	955	646	47.8%
Tài sản ngắn hạn	335	341	-1.7%
Tiền và tương đương tiền	44.6	31.4	41.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	122	181	-32.4%
Hàng tồn kho	144	128	12.7%
Tài sản ngắn hạn khác	24.7	1.06	2218%
Tài sản dài hạn	620	305	103%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	472	278	70.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	142	24.4	483%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.16	0	
Tài sản dài hạn khác	3.75	2.87	31.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	451	192	135%
Nợ ngắn hạn	214	186	14.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	66.8	65.9	1.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	74.9	63.9	17.2%
Nợ dài hạn	237	6.02	3839%
Vay và nợ thuê dài hạn	237	6.00	3849%
Nguồn vốn chủ sở hữu	504	454	11.1%
Vốn chủ sở hữu	504	454	11.1%
Vốn điều lệ	361	279	29.2%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	184	161	162	165	196
Giá vốn hàng bán	124	101	102	107	128
Lợi nhuận gộp	59.3	60.0	59.8	57.8	67.9
Doanh thu HĐTC	0.37	0.16	0.43	0.34	0.28
Chi phí TC	1.35	1.44	1.44	1.32	1.49
Chi phí lãi vay	0.72	0.73	0.81	0.83	0.81
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	19.0	20.8	19.1	20.4	19.4
Chi phí QLDN	24.9	21.4	25.0	21.1	25.5
LN thuần từ HĐKD	14.4	16.5	14.7	15.4	21.7
Lợi nhuận khác	0.42	0.13	0.14	0.82	0.35
LN trước thuế	14.8	16.6	14.8	16.2	22.1
Lợi nhuận sau thuế	11.8	13.3	11.9	13.0	17.6
LNST của CĐ cty mẹ	11.8	13.3	11.9	13.0	17.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.33	-16.6	-21.8	81.9	12.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-17.7	-9.56	-96.4	-119	-42.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.84	34.8	117	49.7	23.9
Tiền đầu kỳ	38.9	31.4	40.1	39.3	51.5
Lưu chuyển tiền thuần	-7.55	8.63	-0.77	12.2	-6.91
Ảnh hưởng tỷ giá	0.04	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	31.4	40.1	39.3	51.5	44.6

(Nguồn: fireant.vn)